

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuận;

2. Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 59/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; địa chỉ: Số A, cụm D, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 23/10/2022, ông Nguyễn Văn T có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu xài cá nhân, thời hạn trả ngày 23/10/2023, theo biên nhận ngày 23/10/2022.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng và trả tiền lãi tạm tính từ ngày 23/10/2022 đến 23/5/2024 là 19 tháng, lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi tạm tính là 5.700.000 đồng.

Do bà B có trả cho ông T số tiền 1.800.000 đồng nên ông T yêu cầu bà B trả tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/5/2024 là 33.900.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000 đồng và đồng ý trả nợ gốc 30.000.000 đồng nhưng xin không trả lãi và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho khi hết nợ.

Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành ngày 04/7/2024 do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nhưng đến ngày 05/7/2024 thì nguyên đơn ông T thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông T và bà B đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ông T yêu cầu bà B trả tiền nợ gốc và lãi. Bà B không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo biên nhận ngày 23/10/2022 và sự thừa nhận của bà B thì có căn cứ xác định ông T có cho bà B vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 23/10/2022; đích vay để chi tiêu cá nhân; không thỏa thuận trả lãi; thời hạn trả vào ngày 23/10/2023. Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông T với bà B đã xác lập hợp đồng vay tài sản; hợp đồng được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Cho ông T yêu cầu bà B trả tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[5] Về yêu cầu trả lãi: Theo biên nhận ngày 23/10/2022 thì các có bên thỏa thuận thời hạn trả lại số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 23/10/2023, nhưng không thỏa thuận trả lãi nên bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ (ngày 23/10/2023) đến ngày Tòa án xét xử vụ án (ngày 08/8/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 2.373.800 đồng, nhưng bà B đã trả cho ông T được 1.800.00 đồng tiền lãi nên được trừ vào số tiền lãi chậm trả tiền. Vì vậy, bà B phải trả tiền lãi chậm trả cho ông T là 537.800 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 30.537.800 đồng.

[6] Về đề nghị trả dần: Bà B thừa nhận nợ nhưng đề nghị ông T cho trả dần đến khi hết nợ, nhưng ông T không đồng ý và pháp luật cũng không quy định bên có nghĩa vụ tài sản được trả dần cho nên đề nghị của bà B không có căn cứ chấp nhận.

[7] Như đã phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về nợ gốc và chấp nhận một phần yêu cầu về nợ lãi; đề nghị xin không trả lãi và xin trả dần của bà B không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B và ông T được miễn nộp toàn bộ án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí hợp lệ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 117, 119; khoản 2 Điều 357; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị B về yêu cầu trả nợ theo biên nhận ngày 23/10/2022.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 30.537.800 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương